VOCABULARY CHECK

1		khoảng cách thế hệ
2		đặc điểm chung
3		tranh cãi
4		ảnh hưởng
5		gia đình hạt nhân
6		gia đình đa thế hệ
7		quan điểm
8		giá trị văn hóa
9		xung đột
10		quan điểm truyền thống
11		đối phó với
12		hành vi
13		niềm tin, sự tin tưởng
14		nối nghiệp, kế nghiệp
15		tôn trọng

1	cultural value	
2	belief	
3	generation gap	
4	deal with	
5	traditional view	
6	conflict	
7	nuclear family	
8	respect	
9	view	
10	argue	
11	extended family	

LIVEWORKSHEETS

12	follow in s.o's footsteps	
13	common characteristic	
14	behaviour	
15	influence	

LIVEWORKSHEETS